

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ DUYÊN HẢI  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/ DS-ST

Ngày: 27-6-2023.

V/v tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Hoài Quốc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hà Văn Quen

2. Ông Ngô Công Bình

**-Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Vĩnh Lâm, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Ông Trương Thanh Hà, Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2023/TLST-DS, ngày 04 tháng 3 năm 2023 , về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2023/QĐXX - ST ngày 24 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2023/QĐST-DS, ngày 09 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Trương Nguyệt V sinh năm 1980.

Địa chỉ: khóm Y, phường X, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Minh T sinh năm 1985. Có mặt

Địa chỉ: khóm M, phường N, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Chí T sinh năm 1984. vắng mặt

Địa chỉ: khóm A, phường N, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền nguyên đơn bà Trương Nguyệt V bày: Bà Trương Nguyệt V yêu cầu ông Nguyễn Chí T phải trả cho bà V khoản tiền vay như sau: Biên nhận nợ đề ngày 01/11/2019 số tiền 100.000.000 đồng. Biên nhận nợ đề ngày 06/4/2020 số tiền 500.000.000 đồng, Biên nhận nợ đề ngày 20/4/2020 số tiền 450.000.000 đồng, tổng cộng 1.050.000.000 đồng và khoản tiền lãi theo lãi suất 10%/năm và được tính từ ngày 13/01/2021 đến khi giải

quyết xong vụ án.

Phía bị đơn ông Nguyễn Chí T kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án tiến hành tổng đạt cho ông T nhưng ông T không có mặt tại địa chỉ khóm A, phường N, thị xã D, phía gia đình ông T không nhận văn bản tố tụng của Tòa án, đại diện Ban nhân dân khóm A, phường N, thị xã D cho biết trước đây ông T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ này, nhưng sau đó do làm ăn thua lỗ ông T đã bỏ nhà đi và không còn ở địa chỉ khóm A, phường N, thị xã D

### **Vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, nhận thấy việc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền và quan hệ pháp luật, xác định đầy đủ và đúng tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ theo trình tự, thủ tục, quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện Kiểm Sát nghiên cứu đúng thời hạn; cấp tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án: Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ về nguyên tắc cơ bản khi giải quyết vụ án, thành phần Hội đồng xét xử và thư ký tòa án không thuộc trường hợp phải từ chối hoặc bị thay đổi theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự đối với bị đơn thực hiện chưa đúng quy định dù được Tòa án triệu tập hợp lệ vẫn vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại các phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung vụ án:

Bà Trương Nguyệt V đã cho ông T vay các khoản tiền vay như sau: Biên nhận nợ đề ngày 01/11/2019 số tiền 100.000.000 đồng. Biên nhận nợ đề ngày 06/4/2020 số tiền 500.000.000 đồng, Biên nhận nợ đề ngày 20/4/2020 số tiền 450.000.000 đồng, tổng cộng 1.050.000.000 đồng và yêu cầu ông T trả các khoản vay này và tính lãi từ ngày 13/01/2021 đến khi giải quyết xong vụ án là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ khi vụ án được tiến hành theo thủ tục hòa giải đối thoại tại Tòa án, ông T đã nhận được Thư mời hòa giải, ông T không có ý kiến gì đối các khoản vay này chỉ yêu cầu Tòa án cho ông T khoản thời gian để ông T thỏa thuận với bà V về việc trả khoản nợ vay này. Sau đó Tòa án thụ lý theo thủ tục tố tụng và tổng đạt hợp lệ, gia đình ông T không nhận các văn bản tố tụng này, phía ông T không có mặt theo địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp có xác nhận của chính quyền địa phương. Do đó việc bà V yêu cầu ông T trả các khoản nợ vay này với tổng số tiền 1.050.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền này được tính từ ngày 13/01/2021 đến khi giải quyết xong vụ án là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, ngoài ra Vị kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông T chịu án phí dân sự sơ thẩm

theo quy định của pháp luật.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét thấy đơn khởi kiện của bà Trương Nguyệt V yêu cầu ông Nguyễn Chí T thanh toán khoản nợ vay như sau: Biên nhận nợ đề ngày 01/11/2019 số tiền 100.000.000 đồng. Biên nhận nợ đề ngày 06/4/2020 số tiền 500.000.000 đồng, Biên nhận nợ đề ngày 20/4/2020 số tiền 450.000.000 đồng, tổng cộng 1.050.000.000 đồng và khoản tiền lãi theo lãi suất 10%/năm và được tính từ ngày 13/01/2021 đến khi giải quyết xong vụ án đây là quan hệ về tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Xét việc ông Nguyễn Chí T trước đây vào ngày 01/11/2019 có xác lập biên nhận với bà V về việc vay khoản tiền 100.000.000 đồng cũng như hai biên nhận: Biên nhận nợ đề ngày 06/4/2020 số tiền 500.000.000 đồng, Biên nhận nợ đề ngày 20/4/2020 số tiền 450.000.000 đồng. Cả 03 biên nhận này đều ghi rõ địa chỉ ông T đang làm việc tại Quỹ tín dụng nhân dân D. Tòa cấp sơ thẩm thu thập các chứng cứ được Quỹ tín dụng nhân dân D cung cấp bảng lương trong khoảng thời gian này ông T đang làm việc tại Quỹ tín dụng nhân dân D và ông T chỉ chấm dứt làm việc tại Quỹ tín dụng vào ngày 02 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định về việc cho nghỉ việc không hưởng lương của Quỹ tín dụng trên cơ sở đơn xin nghỉ việc không lương của ông T đề ngày 01/4/2021, sau đó ông T đi nơi khác làm ăn mà không báo cho bà V được biết địa chỉ theo điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐT, ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án “ *trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”. Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*”, do đó Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3] Xét việc Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn ông Nguyễn Chí T vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T.

[4] Xét việc bà Trương Nguyệt V khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Chí T thanh toán khoản nợ vay như sau: Biên nhận nợ đề ngày 01/11/2019 số tiền 100.000.000 đồng. Biên nhận nợ đề ngày 06/4/2020 số tiền 500.000.000 đồng, Biên nhận nợ đề

ngày 20/4/2020 số tiền 450.000.000 đồng, tổng cộng 1.050.000.000 đồng và khoản tiền lãi theo lãi suất 10%/năm và được tính từ ngày 13/01/2021 đến khi giải quyết xong vụ án là có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ bà V kiện ông T thanh toán ba biên nhận với số tiền tổng cộng 1.050.000.000 đồng trên cơ sở bà V cung cấp cho Tòa án 03 biên nhận gốc và 03 biên nhận đều ghi nhận nội dung như sau ông T vay tiền của bà V sử dụng vào mục đích trả tiền ngân hàng và đã nhận đủ tiền, khi vụ án được tiến hành theo thủ tục hòa giải đối thoại tại Tòa án, ông T đã nhận được Thư mời hòa giải, ông T không có ý kiến gì đối các khoản vay này chỉ yêu cầu Tòa án cho ông T khoản thời gian để ông T thỏa thuận với bà V về việc trả khoản nợ vay này, điều này chứng tỏ ông T thống nhất các khoản vay trên, nên yêu cầu của bà V về việc yêu cầu Tòa án buộc ông T trả các khoản nợ vay với số tiền tổng cộng 1.050.000.000 đồng là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà V và buộc ông T trả các khoản nợ vay cho bà V với số tiền tổng cộng 1.050.000.000 đồng.

[5] Đối với khoản tiền lãi mà bà V yêu cầu ông T phải trả cho bà V và bà V tính theo mức lãi suất theo quy định của khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự và thời hạn tính lãi là từ ngày từ ngày 13/01/2021 đến khi giải quyết xong vụ án là có căn cứ, bởi lẽ cơ sở mà bà V yêu cầu ông T trả khoản tiền lãi này là dựa trên 03 biên nhận: Biên nhận nợ đề ngày 01/11/2019 số tiền 100.000.000 đồng. Biên nhận nợ đề ngày 06/4/2020 số tiền 500.000.000 đồng, Biên nhận nợ đề ngày 20/4/2020 số tiền 450.000.000 đồng trong 03 biên nhận này không ghi rõ lãi suất cho vay nên bà V yêu cầu Tòa án tính lãi suất 10%/năm là có căn cứ. Do đó Hội đồng xét xử chấp thuận mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là 10%/năm tương ứng 0,83%/tháng để tính khoản lãi mà ông T có nghĩa vụ trả cho bà V, thời gian tính lãi 29 tháng 14 ngày, số tiền lãi bằng:  $0,83\%/tháng \times 29 \text{ tháng } 14 \text{ ngày} \times 1.050.000.000 \text{ đồng} = 256.067.000 \text{ đồng}$ . Tổng cộng nợ gốc và lãi ông T phải trả cho bà V bằng số tiền 1.306.067.000 đồng.

*Về án phí:* Ông Nguyễn Chí T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì càu leõ trên:*

### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 466, 468, 469 Bộ luật dân sự.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Nguyệt V

Buộc ông Nguyễn Chí T trả cho bà Trương Nguyệt V số nợ gốc 1.050.000.000 đồng đồng và khoản tiền lãi tính từ 13-01-2021 đến ngày 27-6-2023 theo mức lãi suất 0,83%/tháng bằng 256.067.000 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi ông T phải trả cho bà V bằng số tiền 1.306.067.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành xong hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

*Về án phí:* Buộc ông Nguyễn Chí T phải chịu 51.182.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch

Bà Trương Nguyệt V không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Do đó hoàn trả cho bà V số tiền tạm ứng án phí là 22.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011320, ngày 14/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Duyên Hải;
- CCTHADS thị xã Duyên Hải;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Hoài Quốc**